

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày 12 tháng 11 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Tuấn Thanh ; Ngày tháng năm sinh: 04/7/1984
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức VP-TK UBND phường Ninh Thạnh
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND phường Ninh Thạnh - TPTN
- Nơi thường trú: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 072084002074, ngày cấp: 04/7/2024; nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Đẹp; Ngày tháng năm sinh: 11/12/1984
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty PoHung – Khu công nghiệp Chà là – Dương Minh Châu.
- Nơi thường trú: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 084184003740; ngày cấp 29/04/2021; nơi cấp Cục cảnh sát.

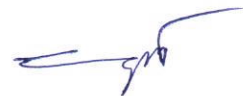
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Lê Chí Thành; Ngày tháng năm sinh: 14/10/2010
- Nơi thường trú: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Lê Hữu Nghị



Lê Tuấn Thanh

- Ngày, tháng, năm sinh: 08/11/2016

- Hộ khẩu thường trú: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh
- Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích⁽⁹⁾: Diện tích: 220m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số BE547000 ; thửa 661; tờ bản đồ số 13; khu phố Ninh Phúc phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh. Do Ủy ban Nhân dân Thị xã (nay là thành phố Tây Ninh) cấp ngày 13/7/2013, cấp cho 02 vợ chồng đồng sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Đường số 06 – Điện Biên Phủ - KP Ninh Đức, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích⁽⁹⁾: Diện tích: 145m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số CQ 150670 ; thửa đất số 222; Tờ bản đồ số: 22, cấp ngày 17/01/2019, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không có.

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: Có 01 nhà ở

2
Lê Xuân Blank

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Đường số 40 – Điện Biên Phủ - Tổ 17 KP Ninh phúc, phường Ninh Thạnh - Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ: Cấp công trình: cấp IV.

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 40 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.



6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 132.748.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 85.648.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 48.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai



Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các</p>			

loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		132.748.000 đồng	Thu nhập của bản thân bao gồm lương và phụ cấp: 85.648.000 đồng Thu nhập của vợ bao gồm lương và phụ cấp: 48.000.000 đồng

..... ngày.....tháng..11..năm 2024
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Cao Văn Thương

..... ngày 11 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Lê Tuấn Thanh